

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 11/8/2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Cừ**

Ông **Nguyễn Văn Thanh**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền, Cán bộ TAND Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tú, kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 11 tháng 8 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-DS ngày 25/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST- DS ngày 25/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-DS ngày 23/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X (sau đây viết tắt là E); Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Vincom, Số 72 Lê Thánh T, phường Bến Ngh, Quận 01, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: - Ông Nguyễn Hoàng D - Nhân viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 55/2018/EIB/UQ-TGD ngày 27/3/2018) (*vắng mặt*)

- Ông Nguyễn Minh Đ – Phó giám đốc ngân hàng TMCP X (theo văn bản ủy quyền số 80/2017/EIB/UQ-TGD ngày 02/6/2017) (*có mặt*)

2. Bị đơn: Ông Hoàng Ta Gh; sinh năm: 1970; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố H, tỉnh T (*có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án*).

Bà Nguyễn Thị Hằng Ng; sinh năm: 1971; Nghề nghiệp: Giáo viên; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố H, tỉnh T (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng D, ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201401353 ngày 12/12/2014 kèm theo phụ lục, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1602-LDS-2014 01542 ngày 12/12/2014. Ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần X tổng số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe Mazda BT50. Lịch trả tiền nợ gốc được chia thành 48 kỳ, kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 25/01/2015, 47 kỳ tiếp theo mỗi kỳ cách nhau 01 tháng, số tiền mỗi kỳ là 8.300.000đ. Kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2018. Lịch trả lãi hàng tháng được quy định vào ngày 25 hàng tháng. Lãi suất cho vay: 10% cố định trong năm đầu tiên, lãi suất cho vay từ năm thứ hai trở đi sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo quy định trong hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay từng thời kỳ. Tài sản bảo đảm toàn bộ khoản tiền vay là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Mazda BT50, loại xe tải pickup kép, màu vàng BKS: 38C – 053.65 thuộc quyền sở hữu của Ông Hoàng Ta Gh (đăng ký xe ô tô số 002615 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh T cấp ngày 10/12/2014).

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng mới thanh toán cho ngân hàng X số tiền 252.700.000 đồng (trong đó tiền gốc: 192.800.000đ, tiền lãi 59.900.000đồng). Từ ngày 25/12/2016 ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng X theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng X đã nhiều lần làm việc, gửi các thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 06/8/2020 ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng còn nợ ngân hàng số tiền: 329.433.256 đồng (trong đó: nợ gốc 207.200.000 đồng, nợ lãi: 122.233.256 đồng).

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng phải thanh toán đầy đủ cho ngân hàng số tiền 329.433.256 đồng (trong đó: nợ gốc 207.200.000 đồng, nợ lãi: 122.233.256 đồng) và phải chịu toàn bộ lãi phát sinh sau ngày 06/8/2020 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm phát mại không thu hồi đủ nợ thì ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán đến khi trả xong nợ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Ta Gh trình bày:

Ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, khế ước nhận nợ nêu trên trên cơ sở tự nguyện. Về thời gian vay, số tiền vay, số tiền đã trả, số tiền còn nợ và việc thế chấp xe ô tô như đại diện Ngân hàng X trình bày là đúng. Khoảng 2 năm đầu ông Ta Gh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Năm 2015 xe ông Ta Gh bị tai nạn, ông thông báo cho ngân hàng vì ngân hàng giữ bảo hiểm xe nhưng Ngân hàng không hợp tác để ông được nhận bảo hiểm. Tháng 12 năm 2016 khi xe gần hết kiểm định, ông gặp cán bộ ngân hàng xin giấy đăng ký về làm kiểm định xe để lưu hành nhưng ngân hàng không hợp tác và yêu cầu ông mua bảo hiểm thân vỏ toàn bộ xe nhưng ông không đồng ý vì trước đó khi đã mua bảo hiểm, xe bị tai nạn ngân hàng không hợp tác để ông giải quyết bảo hiểm. Do vậy, từ đó đến nay ông không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông phải thanh toán số tiền 329.433.256 đồng (nợ gốc 207.200.000 đồng, nợ lãi 122.233.256 đồng). Ông Ta Gh chấp nhận trả nợ gốc và không chấp nhận trả nợ lãi do Ngân hàng có lỗi gây thiệt hại cho ông, quá trình xe không có giấy tờ, không hoạt động kinh doanh được nên không có tiền trả lãi cho ngân hàng. Về tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc xe bị hỏng và các hóa đơn chứng từ liên quan đến việc sửa xe, các chứng cứ, tài liệu ông làm việc với ngân hàng yêu cầu ngân hàng cung cấp các giấy tờ về việc mua bảo hiểm xe để ông thanh toán bảo hiểm hiện tại không có. Ông chỉ đến trình bày làm việc tại ngân hàng, không có tài liệu giấy tờ gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hằng Ng trình bày: Bà và ông Hoàng Ta Gh ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, khế ước nhận nợ nêu trên trên cơ sở tự nguyện. Về thời gian vay, số tiền vay, số tiền đã trả, số tiền còn nợ và việc thế chấp xe ô tô bà thừa nhận như đại diện Ngân hàng X trình bày. Quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng trực tiếp làm việc với ông Hoàng Ta Gh, ông Hoàng Ta Gh cũng là người trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng. Bản thân vợ chồng bà đã ly thân 3 năm nay (chưa ly hôn), từ khi ký và quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng không liên lạc gì với bà, lỗi hoàn toàn của Ngân hàng nên bà không nắm được. Hiện nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng trả nợ, bà đề nghị số tiền trên do ông Hoàng Ta Gh trực tiếp làm việc và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c, d khoản 2 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam. Buộc ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng X. Số tiền tạm tính đến ngày 06/8/2020 là 329.433.256 đồng (trong đó nợ

gốc 207.200.000 đồng và nợ lãi 122.233.256 đồng) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Đồng thời, tiếp tục thanh toán các khoản lãi và chi phí liên quan kể từ ngày 06/8/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trong trường hợp ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng X thì Ngân hàng X có quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50, BKS 38C-053.65 theo cam kết trong Hợp đồng thế chấp tài sản và theo quy định pháp luật.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Eximbank khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng thanh toán số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: khối phố 5 (nay là tổ dân phố 6), phường N, thành phố H, tỉnh T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H. Nguyên đơn ông Hoàng Ta Gh có mặt trong quá trình xét xử vụ án, vắng mặt khi tuyên án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 264, Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành tuyên án vắng mặt bị đơn ông Hoàng Ta Gh.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201401353 ngày 12/12/2014 kèm theo phụ lục, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1602-LDS-2014 01542 ngày 12/12/2014 giữa Ngân hàng X chi nhánh V với ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, có nội dung phù hợp quy định tại các Điều 121, 122, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng và phụ lục, khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng nói trên. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân vào tài khoản của Công ty TNHH một thành viên Tr (có số tài khoản 0861006868686 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-chi nhánh Trung Đô, Nghệ An) số tiền 400.000.000 đồng, để thanh toán tiền mua xe ô tô Mazda BT 50 cho vợ chồng ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng theo như cam kết tại hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng đã thừa nhận tổng số tiền vợ chồng đã trả cho Ngân hàng X

là 252.700.000 đồng (trong đó tiền gốc: 192.800.000 đồng, tiền lãi 59.900.000 đồng) và số tiền gốc, lãi còn nợ tính đến hết ngày 06/8/2020 tổng cộng là 329.433.256 đồng (trong đó nợ gốc 207.200.000 đồng và nợ lãi 122.233.256 đồng) như nguyên đơn trình bày là đúng. Ông Hoàng Ta Gh trình bày trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng phía Ngân hàng đã gây khó khăn cho ông khi làm thủ tục hưởng bảo hiểm và kiểm định xe dẫn đến ông bị thiệt hại, đồng thời yêu cầu ông phải mua bảo hiểm thân vỏ toàn bộ xe nên ông không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng từ ngày 25/12/2016 đến nay. Tuy nhiên ông không xuất trình được các hóa đơn, chứng từ về các lần làm việc trên với ngân hàng cũng như các tài liệu phản ánh mức độ thiệt hại mà Ngân hàng đã gây ra. Việc ông Hoàng Ta Gh không thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm thân vỏ đối với tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50, BKS 38C-053.65 là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 0108/EIBV-TDCN/BĐTS/14 ngày 12/12/2014, trong trường hợp này ngân hàng X không có lỗi. Do đó, yêu cầu của ông Hoàng Ta Gh về việc chỉ trả nợ gốc mà không trả lãi cho ngân hàng X là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Hằng Ng không đồng ý việc trả nợ mà yêu cầu ông Hoàng Ta Gh phải có trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay với ngân hàng X là không có căn cứ. Bởi, tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng X thì bà và ông Hoàng Ta Ghi cùng ký vào bên vay của Hợp đồng tín dụng kèm phụ lục, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ cũng như Hợp đồng thế chấp tài sản. Mặt khác, ông Ta Gh và bà Ng là vợ chồng hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Hằng Ng phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông Hoàng Ta Gh trong việc thanh toán khoản nợ cho ngân hàng X. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc và lãi như trên là có căn cứ và hợp pháp. Áp dụng Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c, d khoản 2 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng phải thanh toán cho nguyên đơn ngân hàng X số tiền gốc, lãi còn nợ tổng cộng 329.433.256 đồng. Kể từ ngày 6/8/2020, ông Ta Gh và bà Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2.2]. Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 0108/EIBV-TDCN/BĐTS/14 ngày 12/12/2014 giữa Bên thế chấp ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng với bên nhận thế chấp ngân hàng X chi nhánh V. Tài sản thế chấp là một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50, loại xe tải pickup kép, màu vàng, có số máy P4AT121454, biển kiểm soát 38C-053.65. Đăng ký xe mang tên ông Hoàng Ta Gh (theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002615 do phòng Cảnh sát giao thông Công an T cấp ngày 10/12/2014). Đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng. Hợp đồng thế chấp tài sản được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập văn bản thế chấp được Phòng công chứng chứng thực, được đăng ký thế chấp đúng quy định tại Điều 343 của Bộ luật dân sự 2005 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao

dịch bảo đảm, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP. Hợp đồng thế chấp tài sản trên có nội dung phù hợp quy định tại Điều 342 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 27, Điều 28 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Tại Hợp đồng thế chấp các bên đã thỏa thuận dùng tài sản thế chấp nói trên để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán, trả nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh khác của bên thế chấp đối với ngân hàng X theo Hợp đồng cấp tín dụng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm phát mại vẫn không thu hồi đủ nợ thì ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán đến khi trả xong nợ. Yêu cầu trên của ngân hàng X là phù hợp quy định tại các Điều 348, Điều 351, Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên được chấp nhận.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tổng cộng là 329.433.256đ đồng được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị đơn ông Hoàng Ta Gh và bà Nguyễn Thị Hằng Ng phải chịu 16.471.662 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 264, Điều 267; Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 285, Điều 290, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 27, Điều 28 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên án vắng mặt đối với bị đơn ông Hoàng Ta Gh.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X.

3. Buộc ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06/8/2020) là: 329.433.256 đồng (ba trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 207.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 89.660.233 đồng, nợ lãi quá hạn là: 32.573.023 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (06/8/2020), vợ chồng ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho ngân hàng X cho đến khi thực hiện xong việc thanh toán, theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201401353 ngày 12/12/2014.

Ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cho ngân hàng X, thì ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, là một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda BT50, loại xe tải pickup kép, màu vàng. Số máy P4AT121454, biển kiểm soát 38c-053.65. đăng ký xe mang tên ông Hoàng Ta Gh (theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002615 do phòng Cảnh sát giao thông Công an T cấp ngày 10/12/2014). Xử lý tài sản thế chấp vẫn chưa đủ trả tổng số tiền nợ thì ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng còn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng X cho đến khi trả hết nợ.

4. Về án phí: Buộc ông Hoàng Ta Gh, bà Nguyễn Thị Hằng Ng phải chịu 16.471.662 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng X số tiền 7.500.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T, theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: AA/2016/0001352 ngày 25/12/2019.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn chị Nguyễn Thị Hằng Ng có mặt, bị đơn ông Hoàng Ta Gh vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: “Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng